

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 9 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sao Mai – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/04/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị C, sinh năm 1987; Nơi thường trú: 361/20 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là 361/20 khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; Nơi thường trú: 361/20 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là 361/20 khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Ngô Thị C trình bày:

Bà Ngô Thị C và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01/2006 ngày 17/04/2006. Quá trình chung sống của vợ chồng bà Ngô Thị C có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 13/05/2005 và Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 17/01/2012.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà C và ông T chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng bà C, ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng hay cãi nhau, ông T không chung thủy trong quan hệ vợ chồng. Bà C có nói chuyện nhưng ông T không thay đổi, sau đó bà C có nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết cho bà Ngô Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, qua sự động viên, phân tích từ Tòa án bà C đã rút đơn về và không khởi kiện nữa. Nhưng khi về sống chung thì vợ chồng bà C không hạnh phúc, ông T vẫn không thay đổi, không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng, không cố gắng cùng bà C xây dựng một gia đình hạnh phúc nên bà C đã chuyển ra ngoài sinh sống từ tháng 5 năm 2025 đến nay.

Tại thời điểm bà C và ông T chung sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng bà C không được chính quyền địa phương hay khu phố hòa giải vì bà C và ông T không yêu cầu, chỉ nội bộ gia đình nói chuyện với nhau, sau đó bà C nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, do đó địa phương nơi bà C và ông T sinh sống không biết về việc mâu thuẫn của bà C và ông T như thế nào. Nay bà C xác định đời sống chung của bà Ngô Thị C và ông Nguyễn Văn T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị C yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 17/01/2012, không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 13/5/2005 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc bận không tham gia phiên tòa được nên bà Ngô Thị C yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Ngô Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản xác minh của Tòa án nhân dân Khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh tại Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thể hiện bị đơn ông Nguyễn Văn T có đăng ký tạm trú tại 3 khu phố B, phường B, Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là 361/20, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị C và ông Nguyễn Văn T xác lập mối quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), được cấp

Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01/2006 ngày 17/04/2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Ngô Thị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ngoài ra, ông T không chung thủy trong quan hệ vợ chồng. Bà C và ông T đã nói chuyện nhưng không có sự thay đổi, bà C đã từng nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T nhưng đã rút đơn về để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ, xây dựng lại hạnh phúc gia đình, tuy nhiên khi về sống chung thì vợ chồng bà C không hạnh phúc nên bà C đã chuyển ra ngoài sinh sống từ tháng 5 năm 2025 đến nay.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, khi có những bất đồng quan điểm trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị C và ông Nguyễn Văn T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà Ngô Thị C và ông Nguyễn Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[4.2] Về con chung: Bà C yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 17/01/2012, không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ thời điểm ông T và bà C sống riêng, con chung vẫn chung sống cùng bà C và được bà C chăm sóc tốt, đồng thời con chung có ý kiến và nguyện vọng được sống cùng mẹ là bà Ngô Thị C. Quá trình tố tụng, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, bà Ngô Thị C yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có cơ sở, phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ngô Thị C không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà C nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị C.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị C đối với ông Nguyễn Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 17/01/2012 cho bà Ngô Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị C không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 13/5/2005 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001120 ngày 04/04/2025

của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh